

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐÃ CÓ BẰNG ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY ĐỢT 2 NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 20/ĐHKTQD-QLĐT ngày 24/11/2020 của Hiệu trưởng)

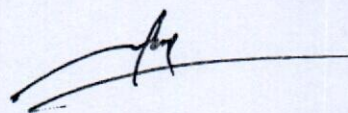
TT	Mã HS	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Trường Đại học đã học và tốt nghiệp	Loại hình đào tạo	Ngành trúng tuyển
1	5	HÀ THỊ VÂN	ANH	Nữ	29/05/1994	Đại học Thương Mại	Chính quy	Kế toán
2	7	LA THỊ MINH	ANH	Nữ	23/12/1990	Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Chính quy	Kế toán
3	9	LÝ NGỌC	ANH	Nữ	10/11/1995	Trường Đại học Công Đoàn	Chính quy	Kế toán
4	11	NGÔ THỊ KIỀU	ANH	Nữ	07/05/1996	Học viện nông nghiệp Việt Nam	Chính quy	Kế toán
5	13	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	ANH	Nữ	20/12/1998	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Chính quy	Kế toán
6	14	NGUYỄN QUỲNH	ANH	Nữ	13/08/1998	Đại học Thủ Đô	Chính quy	Kế toán
7	17	NGUYỄN TRẦN SƠN	ANH	Nữ	12/10/1998	Đại học Tài Nguyên và Môi Trường Hà Nội	Chính quy	Kế toán
8	19	PHẠM HOÀNG	ANH	Nữ	03/10/1997	Đại học Kinh tế quốc dân	Chính quy	Kế toán
9	24	VŨ THỊ NHẬT	ANH	Nữ	26/10/1994	Đại Học Giao Thông Vận Tải	Chính quy	Kế toán
10	29	NGUYỄN HỮU	ĐẠI	Nam	19/09/1997	Đại Học Bách Khoa Hà Nội	Chính quy	Kế toán
11	38	TRẦN THỊ HƯƠNG	GIANG	Nữ	24/02/1997	Đại học Giao thông vận tải	Chính quy	Kế toán
12	41	ĐOÀN THỊ	HÀNG	Nữ	27/09/1991	Đại học Kinh tế - ĐHQG Hà Nội	Chính quy	Kế toán
13	42	LÊ THỊ THÚY	HÀNG	Nữ	08/07/1992	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Chính quy	Kế toán
14	43	LỖ THỊ	HÀNG	Nữ	28/11/1979	Đại học Kinh tế Quốc dân	Chính quy	Kế toán
15	44	TRẦN THỊ	HÀNG	Nữ	08/12/1994	Đại học Thủy Lợi	Chính quy	Kế toán
16	56	LÊ HOÀNG THU	HƯƠNG	Nữ	03/12/1997	Đại học Hà Nội	Chính quy	Kế toán
17	57	TRẦN THỊ	HƯƠNG	Nữ	20/05/1996	Học viện Ngân Hàng	Chính quy	Kế toán
18	60	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	Nữ	11/03/1995	Đại học Thủy lợi	Chính quy	Kế toán
19	61	NGUYỄN THANH	HUYỀN	Nữ	13/11/1997	Đại học Lâm nghiệp	Chính quy	Kế toán
20	62	TRẦN THỊ THU	HUYỀN	Nữ	02/02/1988	ĐẠI HỌC TÂY BẮC	Chính quy	Kế toán
21	66	NGUYỄN THỊ	LAN	Nữ	20/10/1995	Đại học Giao thông vận tải	Chính quy	Kế toán
22	67	PHẠM THỊ	LIÊN	Nữ	15/07/1992	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	Chính quy	Kế toán
23	69	ĐẬU THỊ MỸ	LINH	Nữ	28/09/1994	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Chính quy	Kế toán
24	71	LÊ DIỆU	LINH	Nữ	13/05/1995	Đại học Điện Lực	Chính quy	Kế toán
25	74	NGUYỄN THÚY	LINH	Nữ	16/10/1998	Đại học Hà Nội	Chính quy	Kế toán
26	75	PHAN THỊ HUYỀN	LINH	Nữ	05/02/1998	Học viện Ngân Hàng	Chính quy	Kế toán
27	79	HOÀNG THỊ THÚY	LY	Nữ	27/01/1995	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Chính quy	Kế toán
28	80	TRẦN THỊ	MAI	Nữ	26/04/1994	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Chính quy	Kế toán
29	92	LƯU THỊ	PHƯƠNG	Nữ	16/06/1991	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Chính quy	Kế toán
30	93	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	Nữ	26/11/1993	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Chính quy	Kế toán
31	94	TRẦN THỊ	PHƯƠNG	Nữ	02/10/1996	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam	Chính quy	Kế toán
32	96	NGUYỄN THỊ ANH	QUỲNH	Nữ	21/10/1998	Đại Học Công Đoàn	Chính quy	Kế toán
33	107	VŨ ĐỨC	THÀNH	Nam	21/11/1997	Đại học Kinh tế Quốc dân	Chính quy	Kế toán
34	112	TRẦN THỊ MINH	THÚY	Nữ	16/08/1998	Đại học Tài Nguyên và Môi Trường Hà Nội	Chính quy	Kế toán
35	121	VŨ THU	TRANG	Nữ	15/02/1997	Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Chính quy	Kế toán
36	123	NGUYỄN DOÃN	TRUNG	Nam	25/09/1998	Đại học Kinh tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Chính quy	Kế toán
37	127	VŨ THỊ	YẾN	Nữ	22/06/1975	Đại học giao thông vận tải	Chính quy	Kế toán
38	129	TRẦN THỊ	YẾN	Nữ	10/04/1996	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Chính quy	Kế toán
39	15	NGUYỄN THÁI	ANH	Nam	27/03/1997	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	Chính quy	Ngôn ngữ Anh
40	21	TRỊNH THỊ HẢI	ANH	Nữ	01/12/1996	Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam	Chính quy	Ngôn ngữ Anh
41	22	VŨ HỒNG	ANH	Nữ	20/06/1996	Đại học Kinh tế quốc dân	Chính quy	Ngôn ngữ Anh
42	51	NGUYỄN QUỐC	HOÀNG	Nam	06/08/1982	Đại học Xây dựng	Chính quy	Ngôn ngữ Anh
43	65	LÊ THỊ THÚY	LAN	Nữ	13/05/1982	ĐHSP Hà Nội 2	Chính quy	Ngôn ngữ Anh
44	68	LÊ THỊ THU	LIÊU	Nữ	15/12/1994	Đại học Khoa Học Tự Nhiên Hà Nội	Chính quy	Ngôn ngữ Anh
45	77	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	Nam	27/04/1988	ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	Chính quy	Ngôn ngữ Anh
46	78	TRỊNH ĐỨC	LƯƠNG	Nam	31/01/1983	Giao thông vận tải	Chính quy	Ngôn ngữ Anh
47	83	NGUYỄN THÀNH	MINH	Nam	03/04/1985	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Chính quy	Ngôn ngữ Anh
48	90	VY THỊ HỒNG	NHUNG	Nữ	28/08/1987	Đại học Nông nghiệp I Hà Nội (nay là Học viện	Chính quy	Ngôn ngữ Anh
49	91	ĐÀO THỊ	PHƯƠNG	Nữ	28/07/1995	ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (NEU)	Chính quy	Ngôn ngữ Anh
50	95	BÙI XUÂN	QUANG	Nam	16/09/1988	Đại học Giao thông vận tải	Chính quy	Ngôn ngữ Anh
51	97	ĐÀM THỊ THANH	SƠN	Nữ	23/07/1980	Đại học công nghiệp	Chính quy	Ngôn ngữ Anh
52	103	TẠ PHÚC	TÂM	Nam	21/12/1991	Học viện Hậu Cần	Chính quy	Ngôn ngữ Anh
53	109	TRẦN THỊ	THIỆT	Nữ	26/10/1993	Trường Đại học Lâm Nghiệp	Chính quy	Ngôn ngữ Anh
54	111	LỤC THỊ	THU	Nữ	12/09/1990	Đại học Luật Hà Nội	Chính quy	Ngôn ngữ Anh
55	115	ĐẶNG VĂN	TIỀN	Nam	01/07/1994	Học viện Nông Nghiệp Việt Nam	Chính quy	Ngôn ngữ Anh
56	128	ĐOÀN HẢI	YẾN	Nữ	10/03/1985	ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	Chính quy	Ngôn ngữ Anh
57	2	NGUYỄN THỊ	AN	Nữ	17/10/1987	Đại Học Văn Hóa	Chính quy	Quản trị kinh doanh
58	4	ĐUỜNG HUYỀN	ANH	Nữ	11/12/1997	Học viện Ngoại giao	Chính quy	Quản trị kinh doanh
59	6	HOÀNG VIỆT	ANH	Nam	09/09/1997	Đại học Kiến trúc Hà Nội	Chính quy	Quản trị kinh doanh

TT	Mã HS	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Trường Đại học đã học và tốt nghiệp	Loại hình đào tạo	Ngành trúng tuyển
60	8	LÊ MINH TUẤN	ANH	Nam	25/12/1994	Đại học Luật Hà Nội	Chính quy	Quản trị kinh doanh
61	20	TRỊNH MINH	ANH	Nữ	01/12/1997	Đại học Nội Vụ Hà Nội	Chính quy	Quản trị kinh doanh
62	23	VŨ NGỌC	ANH	Nữ	11/02/1997	Đại học Hà Nội	Chính quy	Quản trị kinh doanh
63	25	ĐÌNH NGỌC	BẢO	Nam	29/10/1995	Trường Đại học Công nghệ Giao Thông Vận Tải	Chính quy	Quản trị kinh doanh
64	27	LÊ VĂN	CÔNG	Nam	25/08/1993	Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương	Chính quy	Quản trị kinh doanh
65	28	TRẦN TRỌNG	CÔNG	Nam	14/03/1993	Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Nam Định	Chính quy	Quản trị kinh doanh
66	32	LÊ MINH	ĐỨC	Nam	06/02/1996	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	Chính quy	Quản trị kinh doanh
67	34	TRẦN BÌNH	DƯƠNG	Nam	08/08/1986	ĐH CNTT & Truyền Thông Thái Nguyên	Chính quy	Quản trị kinh doanh
68	45	DƯƠNG VĂN	HẠNH	Nam	08/05/1998	Trường đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Chính quy	Quản trị kinh doanh
69	46	NGUYỄN HUY	HÀO	Nam	28/08/1998	Trường Đại học Nội Vụ Hà Nội	Chính quy	Quản trị kinh doanh
70	47	NGUYỄN TIẾN	HIỆP	Nam	29/09/1996	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam	Chính quy	Quản trị kinh doanh
71	48	NGUYỄN TRUNG	HIỆU	Nam	22/10/1997	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	Chính quy	Quản trị kinh doanh
72	49	NGUYỄN VĂN	HÒA	Nam	13/04/1995	Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Hưng Yên	Chính quy	Quản trị kinh doanh
73	50	ĐẶNG MẠNH	HOÀNG	Nam	09/03/1994	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Chính quy	Quản trị kinh doanh
74	52	TRẦN VIỆT	HOÀNG	Nam	18/11/1998	Đại học Mở Hà Nội	Chính quy	Quản trị kinh doanh
75	53	LÊ VĂN	HUỆ	Nam	05/12/1990	Đại Học Xây Dựng	Chính quy	Quản trị kinh doanh
76	54	NGUYỄN XUÂN	HÙNG	Nam	07/05/1995	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Chính quy	Quản trị kinh doanh
77	55	VY QUANG	HÙNG	Nam	02/03/1996	Đại Học Khoa Học	Chính quy	Quản trị kinh doanh
78	59	NGUYỄN HỮU	HUY	Nam	06/07/1997	Đại học văn hóa hà nội	Chính quy	Quản trị kinh doanh
79	70	DƯƠNG THỦY	LINH	Nữ	16/07/1996	Đại học Luật Hà Nội	Chính quy	Quản trị kinh doanh
80	72	NGUYỄN THỊ THUY	LINH	Nữ	14/07/1998	Đại học Thủy Lợi	Chính quy	Quản trị kinh doanh
81	81	TRỊNH VĂN	MẠNH	Nam	20/01/1992	Học viện An ninh nhân dân	Chính quy	Quản trị kinh doanh
82	98	NGUYỄN QUANG	SƠN	Nam	20/07/1988	Viện Đại Học Mở Hà Nội	Chính quy	Quản trị kinh doanh
83	99	PHẠM HỒNG	SƠN	Nam	08/08/1996	Đại Học Bách Khoa Hà Nội	Chính quy	Quản trị kinh doanh
84	100	PHẠM NGỌC	SƠN	Nam	11/11/1996	Đại Học Điện Lực	Chính quy	Quản trị kinh doanh
85	102	VŨ NGỌC	TÂM	Nam	24/05/1992	Đại học Thủy Lợi	Chính quy	Quản trị kinh doanh
86	105	ĐÌNH CÔNG	THẮNG	Nam	12/05/1997	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Chính quy	Quản trị kinh doanh
87	106	PHẠM TRƯỜNG	THÀNH	Nam	27/03/1980	Đại học mở Hà Nội	Chính quy	Quản trị kinh doanh
88	113	NGUYỄN THỊ HUỖN	THƯƠNG	Nữ	14/03/1997	Đại học Hà Nội	Chính quy	Quản trị kinh doanh
89	116	ĐÀO VĂN	TIẾN	Nam	13/02/1998	Trường Đại học Mở Hà Nội	Chính quy	Quản trị kinh doanh
90	125	NGUYỄN MẠNH	TUẤN	Nam	14/03/1997	Đại học Bách khoa Hà Nội	Chính quy	Quản trị kinh doanh
91	1	CHU DUY	AN	Nam	20/07/1997	Đại học Mở Hà Nội	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
92	12	NGUYỄN HOÀNG	ANH	Nam	20/06/1996	ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
93	18	NGUYỄN TUẤN	ANH	Nam	26/12/1998	Đại học Giao thông Vận tải	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
94	33	PHAN THỊ THỦY	DUNG	Nữ	26/04/1997	Trường Đại học Vinh	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
95	35	LƯƠNG KHÁNH	DUY	Nam	21/09/1994	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
96	36	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	Nữ	23/12/1994	Đại học Lao Động và Xã Hội	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
97	37	TRẦN NAM	GIANG	Nam	08/03/1986	Đại học Lao Động Xã Hội	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
98	39	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	Nữ	05/10/1997	Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
99	40	VŨ TRỌNG	HẢI	Nam	24/06/1994	Đại học công nghệ Giao thông vận tải	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
100	58	ĐÌNH QUANG	HUY	Nam	07/01/1998	Trường Đại học Luật Hà Nội	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
101	63	LÊ ĐÌNH	HUỖNH	Nam	25/10/1997	Đại học Kinh tế Quốc dân	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
102	76	ĐẶNG TUẤN	LONG	Nam	07/06/1996	Đại học Điện Lực	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
103	84	PHẠM QUANG	MINH	Nam	02/12/1994	Đại Học Quốc Gia Hà Nội	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
104	87	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	Nữ	14/06/1997	Trường Đại học East Anglia	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
105	101	ĐÌNH VIỆT NHẬT	TÀI	Nam	14/06/1992	Đại học Thủy Lợi	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
106	104	NGUYỄN DUY	THẠCH	Nam	05/04/1995	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
107	108	TRẦN NGUYỄN	THẢO	Nữ	20/11/1994	Đại học Nội vụ Hà Nội	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
108	110	NGUYỄN THỊ	THOM	Nữ	13/03/1995	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
109	118	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	Nữ	10/07/1998	Học viện Hành chính Quốc gia	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
110	120	VŨ THU	TRANG	Nữ	13/05/1983	Đại học Luật Hà Nội	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
111	122	NGUYỄN CHÍ	TRUNG	Nam	27/09/1990	Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
112	124	NGUYỄN VIỆT	TRUNG	Nam	27/08/1995	Đại Học Thủy Lợi	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
113	126	LÊ THANH	TÙNG	Nam	02/01/1995	Trường Đại học Giao thông vận tải	Chính quy	Tài chính doanh nghiệp
114	3	ĐẶNG PHÚ	ẤN	Nam	28/05/1992	Học viện Ngoại giao	Chính quy	Đăng ký lại ngành
115	10	MAI THỦY	ANH	Nữ	20/06/1988	ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG	Chính quy	Đăng ký lại ngành
116	16	NGUYỄN THỊ VĂN	ANH	Nữ	27/09/1989	Học viện Hành chính Quốc gia	Chính quy	Đăng ký lại ngành
117	30	NGUYỄN TRỌNG	ĐẠI	Nam	11/03/1986	ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	Chính quy	Đăng ký lại ngành
118	31	LÊ ANH	ĐỨC	Nam	12/03/1990	Học viện Tài chính	Chính quy	Đăng ký lại ngành
119	64	ĐỒNG THỊ	LAN	Nữ	23/12/1990	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Chính quy	Đăng ký lại ngành
120	73	NGUYỄN THỊ TÚ	LINH	Nữ	07/10/1997	Đại học Kinh tế quốc dân	Chính quy	Đăng ký lại ngành
121	82	NGÔ TIẾN	MINH	Nam	10/09/1997	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Chính quy	Đăng ký lại ngành
122	86	PHAN THỊ LÊ	NGA	Nữ	16/08/1994	Đại Học Vinh	Chính quy	Đăng ký lại ngành

TT	Mã HS	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Trường Đại học đã học và tốt nghiệp	Loại hình đào tạo	Ngành trúng tuyển
123	88	ĐẶNG THỊ	NHUNG	Nữ	08/05/1987	Học Viện Cảnh Sát Nhân Dân	Chính quy	Đăng ký lại ngành
124	89	NGUYỄN THỊ	NHUNG	Nữ	19/03/1989	ĐẠI HỌC HÀ NỘI	Chính quy	Đăng ký lại ngành
125	114	ĐẶNG THỊ THANH	THÚY	Nữ	16/08/1991	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Chính quy	Đăng ký lại ngành
126	117	BÙI CÔNG	TIỆP	Nam	20/10/1982	Đại học Thái Nguyên	Chính quy	Đăng ký lại ngành
127	119	TRỊNH THU	TRANG	Nữ	28/09/1993	Đại Học Lạc Hồng	Chính quy	Đăng ký lại ngành
128	26	NGUYỄN TRỌNG	CHUẨN	Nam	13/10/1996	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Chính quy	Không trúng tuyển
129	85	PHẠM TRƯỜNG	MINH	Nam	10/08/1989	Học viện Cảnh sát nhân dân	Chính quy	Không trúng tuyển

Danh sách trên gồm 129 thí sinh./.

TL HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO


PGS.TS Bùi Đức Triệu

